

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/DS-PT

Ngày 09/5/2018

“V/v tranh chấp QSD đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;

Các Thẩm phán:

Ông K'Tiêng;

Ông Nguyễn Tài Sử.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cần - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2018/TL-DSPT ngày 21/3/2018 về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”*

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2018. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Y – có mặt;

Địa chỉ: Thôn 9, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Minh T; bà Lưu Thị P

Người đại diện hợp pháp của bà Lưu Thị P: Ông Vũ Minh T là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 30/10/2015 – Vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2).

Cùng địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Người làm chứng:* Ông Đỗ Minh C; ông Mai Văn V (có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ông Nguyễn Văn N; ông Đoàn Trọng H; ông Trần Văn K; bà Vũ Thị H – đều vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ông Nguyễn Ngọc T – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 09, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ông Nguyễn Xuân H, bà Phạm Thị T - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Y – Là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/9/2015, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 12/7/2016 của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Y và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/3/2006, bà Nguyễn Thị Y mua trúng đấu giá thửa đất diện tích 489m² (06m x 81,5m) và tài sản trên đất, tọa lạc tại thôn 10, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, theo hợp đồng uỷ quyền số 01/HĐUQ ngày 04/01/2006 giữa Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đắk Nông với Thi hành án dân sự huyện Đ với số tiền 156.705.000 đồng. Bà Y đã giao đủ tiền và nhận tài sản sử dụng.

Sau khi mua trúng đấu giá tài sản lô đất trên bà Y đã nhận hồ sơ từ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ để tự bà đi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Ngày 28/8/2008, được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy CNQSD đất, thửa đất số 198, tờ bản đồ 55, diện tích 360 m² (5m x 72m), đứng tên hộ ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Y. Khi nhận GCNQSDĐ bà Y phát hiện ra đất trong GCNQSDĐ thiếu so với hồ sơ Thi hành án bán đấu giá nhưng do vợ chồng chuẩn bị ly hôn nên bà Y không có khiếu nại gì cả.

Tại thời điểm bàn giao tài sản cho bà Y, cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đ chỉ giao đất theo như hồ sơ trúng đấu giá, không ra thực địa đất để xác định mốc ranh giới, cũng không có các hộ liên kề ký giáp ranh. Lý do trong đơn kê khai cấp đất bà Y kê khai 390m², nhưng Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đ chỉ xét cấp đất theo tờ bản đồ 55, đo đạc năm 2002 nên gia đình bà chỉ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 360m².

Năm 2010 bà Y xây nhà và nói với ông T, bà P xác định mốc ranh giới và đo đất thì lô đất bà Y chỉ còn lại 5,6m theo chiều rộng (cạnh giáp quốc lộ) không phải là 6m như Thi hành án huyện Đ bán đấu giá nhưng bà Y vẫn xây nhà, khi mua thì bên ông T đã có nhà gỗ, phía sau có hàng lưới B40 làm bờ rào, hiện ông T đã tháo dỡ. Đối chiếu với thủ tục Thi hành án bán cho bà Y thì diện tích đất hiện nay ông Vũ Minh T và bà Lưu Thị P lấn chiếm là 24m² (trong đó phần đất giáp quốc lộ 14 bị lấn là 0,4m x 30m = 12m², phần ở giữa đủ 06 m, phía sau bị lấn là 0,3m x 40 m = 12m²). Nay bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà P phải trả lại cho bà diện tích lấn chiếm trên, còn nhà gỗ trên đất hiện ông T và bà P đã tháo dỡ nên không có ý kiến gì.

Hiện nay Giấy chứng nhận đang đứng tên hộ ông T và bà Y. Tuy nhiên, ông bà đã ly hôn theo bản án số 05/2009/HNGĐ-PT ngày 29/12/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, về tài sản ông T và bà Y đã thỏa thuận chia ngày 11/3/2010 có xác nhận của chính quyền địa phương, theo văn bản này thì lô đất đang khởi kiện thuộc quyền sử dụng, định đoạt của bà Y và bà Y có quyền mua, bán, tặng cho theo quy định của pháp luật. Vì vậy, quá trình làm việc ông T cũng như bà Y đều xác định không liên quan gì đến quyền lợi của ông T.

Bị đơn ông Vũ Minh T và bà Lưu Thị P trình bày:

Nguồn gốc lô đất hiện nay ông T, bà P đang sử dụng là chuyển đổi đất của ông Trần Đình H và bà Nguyễn Thị T vào năm 1998 (hiện nay ông H, bà T đã chết), vị trí, tứ cận thửa đất cụ thể:

- Phía Tây giáp đường Quốc lộ 14 rộng 6,5m;
- Phía Đông giáp rẫy ông T rộng 5,5m;
- Phía Bắc giáp nhà ông Lục Văn T dài 80m;
- Phía Nam giáp đất ông Trần Văn H, bà Đặng Thị T dài 80m.

Sau khi nhận chuyển đổi ông bà làm một căn nhà gỗ cấp 4, tại thời điểm làm nhà có ông H, bà T ra chỉ mốc ranh giới, sử dụng ổn định không có tranh chấp. Năm 2000 ông bà cho Toà án nhân dân huyện Đ thuê để sử dụng làm trụ sở làm việc thời hạn thuê 03 năm trong thời gian chưa xây dựng xong trụ sở. Năm 2001 cơ quan chuyên môn đến đo đạc, có bà T chỉ mốc ranh giới đúng với vị trí gia đình ông đã xây nhà từ trước. Ngày 07/12/2017 gia đình ông T tháo dỡ nhà xây dựng nhà mới vẫn đúng với ranh giới hiện trạng gia đình ông xây dựng từ trước, không lấn chiếm đất của bà Y. Ngày 21/4/2002, ông T, bà P làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa đất số 197^a, tờ bản đồ số 55, diện tích 430m². Ngày 26/12/2002 được UBND huyện Đ cấp giấy CNQSD đất số V 807406, đứng tên hộ ông Vũ Minh T.

Đối với diện tích đất của gia đình bà Y có nguồn gốc là của bà Đặng Thị T, năm 2006 bà T bị Thi hành án huyện Đ kê biên bán đấu giá để thi hành án, bà Y là người mua trúng đấu giá thửa đất liền kề với gia đình ông T, quá trình đo đất, xác minh thực địa để thi hành án, cơ quan có thẩm quyền không mời gia đình ông T hộ sử dụng đất liền kề chứng kiến. Khoảng năm 2010 khi bà Y xây nhà thì xảy ra tranh chấp, ông T cho rằng theo giấy tờ nhận chuyển nhượng đất thì gia đình ông T còn thiếu 10cm x 72m = 7,2m² nên ông T, bà P làm đơn khởi kiện bà Y nhưng sau đó đã rút đơn và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Nay bà Nguyễn Thị Y làm đơn khởi kiện yêu cầu ông, bà trả lại diện tích đất lấn chiếm là 24m² là ông, bà không đồng ý vì đất ông T và bà P còn thiếu so với diện tích đất nhận chuyển nhượng, ranh giới đất do ông H, bà T xác định, không có tranh chấp với gia đình bà T. Khi cơ quan Thi hành án huyện Đ kê biên tài sản thì ranh giới giữa hai gia đình đã rõ ràng, gia đình ông T đã làm nhà ở sử dụng ổn định. Quá trình giải quyết vụ án ngày 22/8/2016 ông T, bà P đã có đơn phản tố, yêu cầu bà Nguyễn Thị Y phải tháo dỡ công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm trả lại cho ông T, bà P diện tích đất lấn chiếm là 10 cm x 72 m = 7,2m². Ngày 30/05/2017, ông bà làm đơn xin rút yêu cầu phản tố không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số: 03/2018/DS-ST ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu ông Vũ Minh T, bà Lưu Thị P trả lại diện tích đất lấn chiếm là 24m².

2. Áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Vũ Minh T và bà Lưu Thị P đối với yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Y tháo dỡ công trình trên đất trả lại diện tích đất lấn chiếm chiều rộng 10cm, chiều dài 72m, tọa lạc tại thôn 10, xã Nam B, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/02/2018, bà Nguyễn Thị Y kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là không có căn cứ vì đất của bà mua trúng đấu giá, thủ tục mua bán đấu giá tài sản được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật, diện tích là 489m².

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, bà cho rằng thửa đất do bà mua trúng đấu giá của cơ quan Thi hành án diện tích 489m² (chiều rộng 06m, chiều dài 81,5m). Hiện nay gia đình bà sử dụng chiều rộng phía trước 5,6m (thiếu 40 cm), chiều rộng phía sau là 5,7m (thiếu 30 cm), phần giữa vẫn đủ 06m. Lý do bị thiếu đất là do gia đình ông T, bà P lấn chiếm diện tích 24m², đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc ông T, bà P phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất để trả lại cho bà 24m² đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Ngày 14/3/2006, bà Nguyễn Thị Y mua trúng đấu giá thửa đất diện tích 489m² (06m x 81,5m) và tài sản trên đất, theo hợp đồng uỷ quyền số 01/HĐUQ ngày 04/01/2006 giữa Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đắk Nông với Thi hành án dân sự huyện Đ. Sau khi mua trúng đấu giá, Thi hành án huyện Đ đã làm thủ tục chuyển cho phòng Tài nguyên môi trường huyện cấp giấy CNQSD đất, nhưng phòng Tài nguyên môi trường huyện chuyển trả lại cho UBND xã yêu cầu làm lại tờ trình. Ngày 28/9/2007, bà Y đến cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đ xin nhận lại toàn bộ thủ tục mua trúng đấu giá tài sản để tự bà đi làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất (BL 83). Tuy nhiên, theo hồ sơ thi hành án dân sự thì trước khi kê biên tài sản không có biên bản xác minh, sau khi kê biên, ngày 06/8/2003, Thi hành án dân sự huyện Đ lập biên bản xác minh về điều kiện thi hành án, thì bà Đặng Thị T có thửa đất số 198, tờ bản đồ số 55, diện tích 360m² (BL 129). Ngày 03/8/2006, tiếp tục lập biên bản xác minh về điều kiện thi hành án thì bà Đặng Thị T có lô đất thổ cư thuộc khu dân cư diện tích 489m² (BL 154).

[2]. Tại biên bản xác minh ngày 15/6/2016 thể hiện: “Trong hồ sơ thi hành án dân sự huyện Đ, biên bản cưỡng chế thi hành án, biên bản giao tài sản bán đấu giá không có thành phần của phòng Tài nguyên môi trường, không có biên bản xác minh thực địa và sơ đồ thửa đất, không có ký xác định mốc ranh giới của các hộ liền kề. Cơ sở thi hành án dân sự huyện Đ xác định diện tích 489m² (06m x 81,5m) là

không khớp với diện tích trên tờ bản đồ đo đạc năm 2002. Sau khi có kết quả mua bán tài sản trúng đấu giá lô đất trên, UBND xã Đ (cũ) có tờ trình số 100/TT-UB ngày 21/11/2007 kèm theo sơ đồ trích lục thửa đất số 198 diện tích 390m². Sau khi nhận được hồ sơ, phòng Tài nguyên Môi trường huyện đối chiếu số liệu theo tờ bản đồ đo đạc năm 2002 và sổ mục kê thì diện tích thửa 198 là 360m², nên chỉ xét duyệt đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất cho ông T, bà Y 360m² (05m x 72m) là đúng theo quy định của pháp luật” (BL 73).

[3]. Ngày 26/9/2006, bà Y làm đơn xin cấp giấy CNQSD đất thửa đất số 198, tờ bản đồ số 55, diện tích 390m². Kết quả thẩm tra của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và cơ quan Tài nguyên môi trường huyện Đ xác nhận đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất với diện tích 360m² đất thổ cư (BL 88). Sau khi nhận giấy chứng nhận, bà Y biết có sự chênh lệch nhưng không có khiếu nại hay ý kiến gì đến cơ quan có thẩm quyền. Như vậy, cùng một thửa đất nhưng có hai số liệu khác nhau nhưng cơ quan có thẩm quyền không tiến hành xác minh thực địa và sơ đồ thửa đất làm rõ diện tích nào là đúng để làm căn cứ bán đấu giá tài sản đảm bảo đúng pháp luật, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người mua trúng đấu giá tài sản. Hiện nay diện tích đất thực tế bà Y đang sử dụng là 452,6m² (đã trừ lộ giới), vị trí các cạnh: Phía Tây giáp QL 14 dài 5,6m, phía Nam giáp ông K dài 77,2m; phía Đông giáp ông T dài 5,7m, phía Bắc giáp nhà đất ông T dài 77,4m. Quá trình đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ bà Y cũng không xác định được phần đất ông T tranh chấp mà bà chỉ yêu cầu đo đủ diện tích 6m x 81,5m theo hồ sơ thì hành án đã bán cho bà.

[4]. Về nguồn gốc đất của ông T, bà P đang sử dụng là do chuyển đổi đất của ông Trần Đình H và bà Nguyễn Thị T vào năm 1998, chiều rộng giáp đường Quốc lộ 14 là 6,5m; chiều rộng phía sau là 5,5m; chiều dài 80m. Cuối năm 1999 gia đình ông T đã làm 01 căn nhà gỗ cấp 4 sử dụng ổn định. Năm 2000 cho Tòa án nhân dân huyện Đ thuê làm trụ sở làm việc thời hạn 03 năm. Tại thời điểm bà Y mua đấu giá thì gia đình ông T, bà P đã làm nhà ở trên diện tích nhận chuyển đổi của ông H, bà T, ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp, hiện nay gia đình ông T vẫn sử dụng đất đúng với ranh giới hiện trạng từ trước. Năm 2002 ông T, bà P đi kê khai và được cấp GCNQSDĐ thửa đất số 197a, tờ bản đồ 55, diện tích 06m x 72m = 430m². Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích đất thực tế gia đình ông T đang sử dụng là 450,8m², tứ cận: Phía Tây giáp đường Quốc lộ 14 dài 6,3m; phía Đông giáp đất ông T dài 5,2m; Phía Bắc giáp đất chị Hh dài 77,9m; phía Nam giáp đất bà Y dài 77,4m chiều rộng vị trí ở giữa thửa đất rộng 5,92m. Mặc dù diện tích đất ông T được cấp ít hơn so với diện tích đất thực tế sử dụng, nhưng vẫn ít hơn so với giấy trao đổi đất giữa ông Vũ Minh T với ông Trần Đình H, bà Đặng Thị T lập ngày 16/9/1999 cụ thể: Phía trên giáp đường là 6,5m, xuống dần là 5,9m, phía dưới còn 5,5m (BL 176). Mặt khác, sau khi nhận đất gia đình ông T đã làm nhà ở, sử dụng ổn định không có tranh chấp và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến lô đất trên.

[5]. Quá trình lấy lời khai của các hộ liền kề và hàng xóm sinh sống lâu năm tại địa phương là ông H, ông N, chị H, anh K, ông V là những người làm chứng đều thừa nhận: đất ông T, bà P sử dụng ổn định, không tranh chấp và hiện trạng nhà gỗ, mốc ranh giới vẫn không thay đổi kể từ khi bà T đang sử dụng, bà Y là người mua

sau thì ranh giới sử dụng từ trước như thế nào thì phải chịu như vậy. Việc bà Y khởi kiện ông T là không có cơ sở. Lời khai của ông C là cán bộ địa chính xã Đ (cũ) nay là xã N được cơ quan Thi hành án mời tham gia chứng kiến ký vào biên bản cưỡng chế thi hành án ngày 05/6/2002, biên bản xác minh điều kiện thi hành án ngày 06/8/2003, biên bản định giá tài sản ngày 21/10/2004. Khi đo đạc cơ quan không thuê đo đạc bằng máy mà chỉ dùng thước dây đo, ông C cán bộ địa chính là người cùng cầm thước dây để đo diện tích, cách đo là đo từ mép đường vào (thời điểm đó không trừ lộ giới). Khi đó nhà ông P và nhà ông T đã có và ranh giới rõ ràng như hiện nay đang sử dụng. Tại thời điểm đo đạc ông C không thấy cơ quan Thi hành án mời các hộ liên kề ra ký giáp ranh để xác định mốc ranh giới, không có đại diện phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ tham gia. Theo ông C do đo sát đường nên phía ngoài phần đường đất lớn hơn, không thẳng và kéo thước dây nên độ chính xác không cao. Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2003 theo tờ bản đồ đo năm 2002 thì diện tích đất của bà T thời điểm đó mới có sổ thửa, chưa có giấy chứng nhận, diện tích theo bản đồ là 360m² (5m x 72m). Lời khai của ông T là chồng của bà Y (đã ly hôn) thể hiện: Việc đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bàn giao thực địa là do bà Y thực hiện, khi mua đấu giá thì ông T và bà P đã xây dựng nhà gỗ, hiện trạng ông T sử dụng từ trước đến nay vẫn vậy, không thay đổi. Còn lý do tại sao bà Y khởi kiện thì ông T không biết và cũng không có ý kiến gì.

[6]. Từ phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy ông T, bà P đã sử dụng đất làm nhà ở sử dụng ổn định từ trước khi bà Y mua trúng đấu giá, không có hành vi lấn chiếm đất của bà Y. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà Nguyễn Thị Y, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

[7]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[8]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 157 khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 202, Điều 203 của Luật đất đai; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 03/2018/DS-ST ngày 05/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y đối với ông Vũ Minh T, bà Lưu Thị P.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 244 của BLTTDS đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố của ông Vũ Minh T, bà Lưu Thị P đối với bà Nguyễn Thị Y.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Y phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), được khấu trừ 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Y đã nộp theo biên lai số 0000577 ngày 12/10/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Hoàn trả cho ông Vũ Minh T và bà Lưu Thị P 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo biên lai số 0003971 ngày 14/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí bà Y đã nộp, theo biên số 0001916 ngày 02/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc đất: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*), được khấu trừ vào số tiền bà Y đã nộp tạm ứng ngày 06/01/2017, tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thông